

**NHÌN RA THẾ GIỚI****Lịch sử khoa học, công nghệ và đổi mới:  
THÀNH LẬP CÁC VIỆN NGHIÊN CỨU DO CHÍNH PHỦ  
HỖ TRỢ TRONG THỜI KỲ PARK CHUNG-HEE<sup>1</sup>****GS. Manyong Moon**Trung tâm Nghiên cứu Lịch sử Khoa học, Công nghệ và Văn minh Hàn Quốc

---

**I. Giới thiệu**

*Thành phố khoa học Daedeok* gồm rất nhiều viện nghiên cứu và được xem là *Thánh địa Khoa học và công nghệ (KH&CN)* của Hàn Quốc. Các viện, đặc biệt là các viện nghiên cứu do Chính phủ hỗ trợ (GRIs) đóng vai trò dẫn đầu trong tăng trưởng quốc gia và phát triển KH&CN. Trong số các viện hàng đầu tại *Daedeok* có Viện Nghiên cứu Điện tử viễn thông (ETRI) - đơn vị tiên phong trong phát triển thương mại hóa công nghệ CDMA và góp phần đưa Hàn Quốc trở thành nước dẫn đầu về thiết bị truyền thông di động, Viện Nghiên cứu Năng lượng nguyên tử Hàn Quốc (KAERI) - nơi đã sáng chế ra lò phản ứng hạt nhân đa năng "HANARO". Sau Viện KH&CN Hàn Quốc (KIST) - viện nghiên cứu do chính phủ hỗ trợ (GRI) đầu tiên được thành lập năm 1966, nhiều GRIs khác cũng được thành lập tại *Hongreung* và đã tạo ra một tổ hợp nghiên cứu hiện đại đầu tiên. Vào những năm 1970, các GRIs đã phát triển thành Thành phố Khoa học Daedeok. Từ đó, các viện này đã được xem là biểu tượng của phát triển khoa học quốc gia những năm 1970 cũng như là Chính sách KH&CN của chính quyền Park Chung-hee. Tuy nhiên, những tổ chức này đã phải đối mặt với nhiều khó khăn trong hoạt động do Chính phủ mới thay thế chế độ Park Chung-hee.

Bài viết này căn cứ bối cảnh lịch sử và chính trị thời kỳ Park Chung-hee trong việc hình thành và mở rộng các tổ chức GRIs những năm 1960 và

---

<sup>1</sup> Tạp chí STI Policy review, Vol. 2, No. 2, Summer 2011

1970. Đã có nhiều mô hình tổ chức nghiên cứu khoa học khác nhau tồn tại trước KIST. Các viện nghiên cứu công lập, trường đại học, các viện trực thuộc trường đại học đang hoạt động và nhiều đối tượng công nghiệp khác cũng có tổ chức nghiên cứu riêng của mình. Nghiên cứu này sẽ tìm hiểu làm thế nào và tại sao GRIs (mô hình tổ chức mới) xuất hiện trong bối cảnh lịch sử đó. Nghiên cứu cũng tập trung làm rõ làm thế nào mà KIST - từ một viện nghiên cứu đơn lẻ có thể gây được chú ý và ảnh hưởng lớn tới việc hình thành mô hình nghiên cứu mới ở Hàn Quốc một cách thành công. Để trả lời cho những câu hỏi này, tác giả đã nhận thấy rằng GRIs đã hình thành một trung tâm KH&CN khá thành công ở Hàn Quốc từ những năm 1970 và các nghiên cứu viên của KIST đã có quyền lực và sức ảnh hưởng rất lớn trong xã hội. Sự biến động nhanh chóng về chính trị và xã hội cần được làm rõ trong bối cảnh của quá trình mở rộng các viện GRIs và xác định vai trò cũng như mối quan hệ chính trị của các đối tượng này. Bài báo cũng thảo luận về những hạn chế mà GRIs gặp phải và tại sao họ phải trải qua những khó khăn này trong giai đoạn đầu thời kỳ Park Chung-hee. Các khảo sát trong bài viết này đã phát hiện ra rằng, thậm chí những chính sách KH&CN - vốn được xem là phi chính trị - lại có ý nghĩa chính trị và không một chính sách nào hoàn toàn thoát khỏi các toan tính chính trị.

## **2. Thành lập Viện KIST: Sự ra đời của viện nghiên cứu do chính phủ hỗ trợ (GRIs) đầu tiên tại Hàn Quốc**

Sau khi dành được tự do từ đế quốc xâm lược Nhật Bản, nhiều nhà khoa học đã cho rằng, nên thành lập các tổ chức chính phủ và viện nghiên cứu phát triển khoa học để xây dựng đất nước do việc thúc đẩy KH&CN rất quan trọng trong phát triển quốc gia. Tuy nhiên, các nhà khoa học cũng chỉ ra rằng, họ đã không nhận được bất kỳ sự chú ý nào. Trái ngược với nhiệt huyết của các nhà khoa học, Chính phủ và các nhà chính trị vẫn không quan tâm tới KH&CN cho tới tận cuối những năm 1950. Năm 1959, Văn phòng Năng lượng nguyên tử - một đơn vị của Chính phủ về chương trình hạt nhân và Viện Nghiên cứu Năng lượng nguyên tử (AERI) - viện nghiên cứu nhà nước về công nghệ hạt nhân đã được thành lập. Mặc dù vai trò của AERI vẫn còn hạn chế trong nghiên cứu năng lượng nguyên tử nhưng đây vẫn là viện hiện đại đầu tiên được Chính phủ hỗ trợ phát triển KH&CN. Mặc dù AERI nhận được sự quan tâm và các điều kiện chưa từng có nhưng nó vẫn còn tồn tại những hạn chế của một GRIs. Sự hỗ trợ về tài chính và vật chất cho Viện vẫn chưa đầy đủ. Các nghiên cứu viên của Viện đều là các cán bộ công chức nên phải tuân thủ theo luật và quy định của công chức nhà nước. Họ không nhận được ưu đãi xứng đáng về lương và phúc lợi nghề nghiệp. Ngoài ra, các viện nghiên cứu cũng gặp khó khăn khi chưa được cung cấp những ưu đãi, khuyến

khích trong nghiên cứu, xây dựng năng lực nghiên cứu và cơ sở hạ tầng phù hợp. Thậm chí các quy định về tài chính cũng không thực sự cởi mở. Các thủ tục kế toán khắt khe không cho phép sử dụng linh hoạt và sáng tạo các quỹ của Chính phủ do mọi phân bổ ngân sách nhà nước đều bị quy định cụ thể. Những nỗ lực vượt qua các trở ngại để xây dựng loại hình viện nghiên cứu mới đã được thực hiện từ đầu những năm 1960. Chính phủ đã cố gắng để chuyển đổi các tổ chức nhà nước hiện có thành các tổ chức không thuộc nhà nước quản lý để đảm bảo sử dụng nguồn kinh phí và nhân lực linh hoạt hơn. Tuy nhiên, nỗ lực này đã thất bại do gặp phải sự phản đối của các thành viên trong tổ chức đó vì họ vẫn muốn duy trì trạng thái công chức nhà nước của mình. Những cố gắng trong cải cách cũng bị cản trở do thiếu nguồn lực tài chính cần thiết để thành lập các viện nghiên cứu mới. *Cuộc gặp thượng đỉnh song phương tháng 5/1965* giữa Hàn Quốc và Hoa Kỳ đã tạo bước đột phá, Tổng thống Lyndon B. Johnson đã thể hiện mối quan tâm của mình bằng cách hỗ trợ thành lập các viện nghiên cứu mới cho Hàn Quốc. Đề xuất này được Tiến sỹ Donald F. Hornig - Chủ tịch Hội đồng Cố vấn KH&CN của Tổng thống Mỹ Johnson xây dựng, và cũng là người được giao trách nhiệm hướng dẫn trong chuyến thăm của Tổng thống Park tới Washington. Ở một khía cạnh nhất định, hỗ trợ của Hoa Kỳ được xem là khoản bồi thường cho quyết định tham chiến tại Việt Nam của Chính phủ Hàn Quốc. Điều này có thể mang lại lợi ích cho cả hai bên. Phía Hoa Kỳ có thể chống lại nạn chảy máu chất xám. Đồng thời, gợi ý này được đưa ra nhằm xoa dịu sự phản đối của Hàn Quốc để bình thường hóa quan hệ ngoại giao Hàn Quốc - Nhật Bản, đây là bước thương lượng cuối cùng, cũng như cho thấy sự hỗ trợ của Hoa Kỳ vẫn sẽ tiếp tục sau khi khôi phục lại quan hệ giữa 2 nước. Hoa Kỳ đã cung cấp khoản vay 150 triệu USD cho phát triển kinh tế cũng như giúp đỡ về tài chính cho xây dựng các viện nghiên cứu. Như vậy có thể đảm bảo với Seoul rằng Hoa Kỳ đã hỗ trợ chính quyền Park Chung-hee cũng như hỗ trợ cả nền kinh tế và xã hội Hàn Quốc. Các động thái hỗ trợ lẫn nhau giữa Seoul và Washington cho phép cả 2 nước đạt được lợi ích mong muốn thông qua việc tham gia vào chiến tranh Việt Nam và bình thường hóa quan hệ Hàn Quốc - Nhật Bản. Thực tế, đây là sự đan xen của cả 3 vấn đề: Hàn Quốc triển khai quân đội sang Việt Nam, bình thường hóa quan hệ Hàn Quốc - Nhật Bản và phát triển kinh tế sau chiến tranh Hàn Quốc. Do Hoa Kỳ có lợi ích thiết thực trong những vấn đề này nên họ phải can thiệp một cách tích cực. Quyết định hỗ trợ các viện nghiên cứu khoa học là ý tưởng hấp dẫn đối với Nhà Trắng do tài trợ kinh phí cho nghiên cứu là phi chính trị và họ có thể tiếp tục hỗ trợ chính quyền Park một cách đáng kể. Việc hỗ trợ viện nghiên cứu không chỉ là hỗ trợ tăng trưởng kinh tế mà còn đóng góp đáng kể vào xây dựng hình ảnh tích cực cho chế độ độc

tài. Tổng thống Park đã nhận thức được lợi ích có thể đạt được và chấp nhận đề nghị này mà không hề do dự.

Vào tháng 02/1966, Viện KH&CN Hàn Quốc (KIST) đã được thành lập tại *Hongreung*, nơi đây từng là một trạm nghiên cứu thí nghiệm lâm nghiệp. Tiến sỹ Hyung-sup Choi, sau này là Viện trưởng Viện nghiên cứu Năng lượng nguyên tử, đã được bổ nhiệm là Viện trưởng đầu tiên. Mặc dù được thành lập dưới sự bảo trợ của chính phủ Hàn Quốc và Hoa Kỳ, KIST được coi là tổ chức hợp pháp có kinh phí hoạt động từ các nhà tài trợ và được Chính phủ đảm bảo chắc chắn theo *Đạo luật Phát triển Viện KH&CN Hàn Quốc*. Hình thức tổ chức được sự chấp thuận của cả hai Chính phủ. Chính phủ Hàn Quốc muốn tránh việc thiếu hiệu quả mà mọi tổ chức quốc gia hay viện công lập nào cũng gặp phải, Hoa Kỳ đã chấp thuận tình trạng pháp lý của KIST là một quỹ tài trợ do Hoa Kỳ muốn ngăn chặn sự can thiệp quá mức của Chính phủ Hàn Quốc. Tổng thống Park đã ủng hộ 1 triệu Won và ghi tên mình trở thành một trong số những người sáng lập KIST. Điều này đã chỉ ra rằng, làm thế nào KIST (một viện tư nhân tự chủ, tự chịu trách nhiệm) có thể nhận được hỗ trợ của Chính phủ và bảo trợ của Tổng thống Park - người đóng vai trò quan trọng trong việc làm trung gian giải quyết các tranh chấp có liên quan đến Viện trong quá trình thiết lập. Sự cam kết cá nhân của Tổng thống Park đã tác động tới bản thân các nhà nghiên cứu tại KIST: vị thế kinh tế - xã hội của họ được nâng cao, họ cảm thấy vừa áp lực lại vừa tự hào. Sự hỗ trợ của Tổng thống là một yếu tố quan trọng cho phép KIST phát triển trong thời gian ngắn với hỗ trợ ổn định từ Chính phủ. Sự ủng hộ tích cực và chưa từng có của Chính phủ dành cho KIST (bao gồm lương cao gấp 3 lần so với các giảng viên trường đại học quốc gia khác) đã là động lực và kích thích các nhà khoa học tạo ra kết quả và thành tích phi thường. Bằng việc áp dụng hệ thống nghiên cứu theo hợp đồng và thu hút các nhà khoa học Hàn Quốc ở nước ngoài, KIST đã quyết định tập trung nguồn lực vào nghiên cứu các công nghệ công nghiệp góp phần tăng trưởng kinh tế quốc gia. KIST đã nhận được sự hỗ trợ về tài chính từ Chính phủ, mặc dù là một Viện độc lập về mặt pháp lý. Hệ thống nghiên cứu dựa trên hợp đồng phục vụ chủ yếu các nhu cầu công nghiệp về mặt công nghệ cũng là sự khác biệt so với các tổ chức nghiên cứu khác. KIST đi theo mô hình Viện Tưởng niệm Battelle (BMI) tại Mỹ. Điểm khác biệt ở chỗ BMI dù là viện nghiên cứu theo hợp đồng nhưng được thành lập dưới sự tài trợ của tư nhân. Tại phần lớn các nước phát triển, cơ sở và các trang thiết bị nghiên cứu đều thuộc các viện nghiên cứu quốc gia hoặc công lập, đặc biệt, những viện nghiên cứu này tham gia sâu vào các dự án do Chính phủ điều hành. Nền tảng pháp lý khác biệt là do hầu hết các tổ chức phi lợi nhuận nhận được tài trợ của Chính phủ phải đăng ký trở thành các hiệp hội của

các viện nghiên cứu đa thành phần. KIST là trường hợp cá biệt vì được thành lập như là một tổ chức tư nhân độc lập nhưng lại nhận được hỗ trợ từ Chính phủ. Các viện nghiên cứu công nghệ công nghiệp đa phần được vận hành bởi các quỹ tư nhân chứ không phải bởi quỹ của Chính phủ. KIST là ngoại lệ về tình trạng pháp lý và các chính sách hoạt động của mình. Nhờ vào hỗ trợ rất lớn từ Chính phủ, KIST đã có thể tăng trưởng nhanh hơn dự kiến và cuối cùng tự mình đứng vững trong xã hội Hàn Quốc. Một điều có ý nghĩa quan trọng là KIST đã thu nạp được các nhân tài từ nước ngoài. Sự trở về của các nhà khoa học xuất sắc từ nước ngoài có thể được hiểu là một chỉ số chứng tỏ uy tín khoa học quốc gia đã được cải thiện. KIST là một viện nghiên cứu lương tâm, phi chính trị, hàng đầu và độc lập, có ý nghĩa về mặt chính trị cho chính quyền của Tổng thống Park dự định tiến hành bầu cử vào năm 1967. Nhằm tăng cường tác dụng tuyên truyền, Tổng thống Park muốn KIST trở thành viện nghiên cứu lớn nhất châu Á. Do đó, kế hoạch ban đầu của KIST đã thay đổi, tuy nhiên, Hoa Kỳ đã không tán thành với kế hoạch thay đổi này và Chính phủ Hàn Quốc phải tự chịu trách nhiệm về tất cả chi phí phát sinh cho việc mở rộng. Như kỳ vọng của Chính phủ, KIST đã thành công trong việc thu hút các nhà khoa học và kỹ sư Hàn Quốc từ nước ngoài trở về. Sự trở lại của họ nhận được nhiều chú ý vì hợp đồng lao động giữa KIST và nhà khoa học nước ngoài đã được quảng bá rầm rộ trên các trang báo lớn. Ngoài một nhà khoa học được lựa chọn là đại diện của Hàn Quốc trong các dự án hợp tác quốc tế, 24 trong tổng số 25 nhà khoa học nước ngoài trở về Hàn Quốc ký hợp đồng với KIST trong những năm đầu đã ký tiếp hợp đồng với KIST. Những cuộc hội hương thành công đó đã có ảnh hưởng tích cực đối với những người còn đang suy nghĩ tới việc quay trở về Hàn Quốc. Mối quan tâm của xã hội với việc trở lại của các nhà khoa học vẫn không hề suy giảm trong những năm 1970. Thông tin về các nhà khoa học mới hội hương tiếp tục được thông báo trên báo chí. KIST thực hiện rất tốt vai trò là biểu tượng hiện đại hóa của quốc gia và đã chứng minh rõ tính hợp pháp của cơ chế này. Nhiều hoạt động thúc đẩy như làm phim và quảng cáo cũng được tiến hành nhằm thông tin tới công chúng về KIST và KIST trở thành địa điểm đáng chú ý đối với khách nước ngoài khi đến thăm quan. Những hoạt động này không liên quan tới việc đáp ứng các toan tính mang màu sắc chính trị.

### **3. Xây dựng khu phức hợp nghiên cứu *Hongreung*: Củng cố các viện nghiên cứu do Chính phủ hỗ trợ (GRIs)**

Việc thành lập KIST vào năm 1966 đã tạo ra các lợi ích khoa học công nghệ của quốc gia. Điều này dẫn tới sự thành lập hàng loạt các viện nghiên cứu và tổ chức phát triển KH&CN khác. Việc xây dựng các viện

ngiên cứu bùng nổ, nhiều nhà báo, nhà khoa học bắt đầu lo ngại về vấn đề quản lý KH&CN, quản lý nguồn nhân lực và môi trường nghiên cứu. Nhằm giải quyết các vấn đề này, *Hội nghị quốc gia của các nhà khoa học và kỹ sư* lần đầu tiên được tổ chức vào ngày 19/5/1966 ngay sau khi xây dựng KIST. Theo Nghị quyết đã được thông qua tại Hội nghị, Liên đoàn các cộng đồng Khoa học và Công nghệ Hàn Quốc (KOFST) đã được thành lập vào tháng 9/1966. Trong năm tiếp theo, *Đạo Luật thúc đẩy KH&CN* (Bộ Luật toàn diện đầu tiên về phát triển KH&CN) đã được ban hành. Bộ KH&CN cũng đã được thành lập và chịu trách nhiệm về các chính sách phát triển KH&CN. Hiệp hội KH&CN Hàn Quốc cũng thành lập vào cuối năm 1967 nhằm đáp ứng những phúc lợi xã hội cho các nhà khoa học nghỉ hưu và thúc đẩy phổ biến khoa học. Tổng thống Park đã tự ghi tên mình là nhà sáng lập Hiệp hội này. Như chúng ta đã thấy ở trên, việc thành lập KIST đã truyền cảm hứng cho toàn bộ đất nước để hình thành các tổ chức quản lý cần thiết và hỗ trợ một cách có hệ thống. Một tờ báo của Hàn Quốc đã gọi các sự kiện này là “sự bùng nổ về KH&CN” cũng không hề quá lời. Điều này cho chúng ta thấy, cách tiếp cận hiện đại và có hệ thống nhằm phát triển KH&CN quốc gia lần đầu tiên được giới thiệu và hình thành trong giai đoạn này.

GRI thứ 2 được thành lập trong khi “sự bùng nổ” này vẫn còn hiệu quả, đó là Trung tâm Thông tin KH&CN Hàn Quốc (KORSTIC), ban đầu nằm dưới sự giám sát của Bộ Văn hóa và Giáo dục, sau đó trực thuộc Bộ KH&CN khi Bộ này được thành lập. Từ khi tái tổ chức vào năm 1968, KORSTIC bắt đầu xây dựng tòa nhà của riêng mình xung quanh KIST. Vai trò và quy mô của KORSTIC ngày càng hoàn thiện hơn do *Đạo Luật phát triển trung tâm thông tin KH&CN* được ban hành năm 1969. Tổng thống Park đã chỉ đạo Văn phòng Chính phủ phụ trách trung tâm này và đảm bảo những hỗ trợ cần thiết như đã làm với KIST. Sự hỗ trợ của Chính phủ ngày càng tăng lên đáng kể do Trưởng Ban Thư ký Tổng thống - ngài Hoo-rak Lee đã được chỉ định là Chủ tịch Hội đồng KORSTIC và Ủy viên Thư ký Dong-sik Shon trở thành thành viên Hội đồng. Bắt đầu từ năm 1970, Chính phủ đầu tư cho phát triển quốc phòng và thành lập Viện Nghiên cứu công nghệ và Phát triển Quốc phòng. Trước năm 1970, Hàn Quốc đã chứng kiến hàng loạt sự cố đe dọa an ninh, bao gồm: vụ ám sát thất bại Park Chung-hee năm 1968 (cuộc đột kích *Cheongwadae*), vụ bắt cóc Tàu Hải quân Hàn Quốc năm 1970 và khớp nối học thuyết Nixon. Nhu cầu tăng đầu tư vào công nghiệp quốc phòng và phát triển quốc phòng cũng tăng cao đáng kể do tình hình an ninh bất ổn. Bộ Quốc phòng đã thành lập Cơ quan phát triển quốc phòng (ADD) thuộc thẩm quyền của mình vào tháng 8/1970. Tuy nhiên, Chính phủ đã tái cơ cấu cơ quan này trở thành một tập đoàn độc lập vào cuối năm

đó. Ngoài ra, Đạo luật về *Cơ quan phát triển quốc phòng* đã được ban hành nhằm cải tổ và đưa ADD dần chuyển đổi gần với mô hình KIST. Tướng Eung-kyun Shin đã được bổ nhiệm làm giám đốc đầu tiên của ADD. Ông là người đứng đầu cơ quan quản lý của KIST. Thay thế Tướng Shin là Tiến sỹ Moon-taek Shim - được bổ nhiệm làm giám đốc KIST năm 1972. Tiến sỹ Shim sau đó đã chuyển một số nghiên cứu viên từ KIST sang ADD nhằm đảm nhiệm vai trò quản lý cũng như nghiên cứu. Ông đã điều hành Viện tới tận năm 1980 và cống hiến hết mình nhằm xây dựng nền móng cho ngành sản xuất vũ khí trong nước. Vào những năm 1970, ADD tuyên dụng hàng loạt nhà nghiên cứu tài năng từ các viện nghiên cứu trong và ngoài nước đã đem lại danh tiếng như “đích đến cuối cùng” cho các nhà khoa học vào những năm 1970. Cùng với KIST, ADD đã giữ vai trò dẫn đầu trong phát triển KH&CN những năm 1970. Quá trình thành lập KIST - tổ chức nghiên cứu phi lợi nhuận được thành lập với sự tài trợ và hỗ trợ của Chính phủ, đưa ra mô hình thích hợp nhằm thúc đẩy các tổ chức như vậy - trở thành hình mẫu cho việc xây dựng các tổ chức nghiên cứu công lập. Phương pháp tương tự cũng được áp dụng ở các lĩnh vực khác như khoa học xã hội và nhân văn. Năm 1971, GRI đầu tiên về khoa học xã hội được thành lập, Viện Phát triển Hàn Quốc (KDI) đã được thành lập nhằm giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế. Theo *Đạo luật Viện Phát triển Hàn Quốc* được ban hành cuối năm 1970, KDI được thành lập và đặt tại *Hongreung*, bắt đầu hoạt động hiệu quả. Như đã làm với KIST, Tổng thống Park đã tham gia chặt chẽ vào xây dựng KDI và thu hút các học giả Hàn Quốc (đặc biệt là những người hiểu rõ nền kinh tế thị trường) từ nước ngoài về. Tương tự KIST, Tổng thống tiếp tục ủng hộ 1 triệu Won cho KDI. Các viện nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn khác như Viện Phát triển Giáo dục Hàn Quốc cũng đi theo con đường tương tự. Một viện khác cũng tham gia vào *Hongreung* là Viện Khoa học Tiên tiến Hàn Quốc (KAIS). KAIS là trường đào tạo đại học được thành lập năm 1971, với chuyên ngành khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Tổng thống đã yêu cầu Bộ KH&CN phụ trách KAIS do Bộ Giáo dục và Văn hóa đã phản đối mạnh mẽ bản kế hoạch đề xuất vào năm 1969 về thành lập mới các trường sau đại học thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật. *Đạo luật Viện Khoa học Tiên tiến Hàn Quốc* ngay lập tức được ban hành vào tháng 8/1970. Cũng còn nhiều ý kiến phản đối và khiếu nại từ các trường đại học về tình trạng đặc quyền, đặc lợi cho cán bộ của KIST. Nhiều ý kiến tương tự cũng đã đưa ra đối với việc thành lập KAIS. Những phê phán mạnh mẽ về “việc đối xử bất bình đẳng” đã khiến các học giả và nhà khoa học tại các trường đại học quay sang chống đối lại *Cheongwadae* (Văn phòng Tổng thống Hàn Quốc). Park Chung-hee, người đã từng rất quan tâm tới ý kiến của các học giả và chuyên gia trong nhiệm kỳ Tổng thống đầu tiên cũng bắt đầu đánh giá thấp vai trò của họ vào

những năm 1970. Trong quyết định chọn lựa những đối tượng nhận được sự hỗ trợ của Chính phủ về KH&CN, ông đã ưu tiên rõ ràng cho những viện nghiên cứu mới như KIST và KAIS hơn là các trường đại học phản đối xu hướng mới về nghiên cứu hoặc phát triển kinh tế. Khi các GRIs trong các lĩnh vực khác nhau đã tập hợp xung quanh KIST, *Hongreung* (nơi KIST đặt trụ sở) đã trở thành tổ hợp nghiên cứu đầu tiên của Hàn Quốc. Tổ hợp này không được xây dựng một cách có chủ đích mà được hình thành một cách tự nhiên do các viện và tổ chức nghiên cứu mới nhận thấy vị trí xây dựng của KIST là rất phù hợp. Vì vậy, không có tên gọi chính thức nào cho tổ hợp nghiên cứu này, mà công chúng thường gọi là “Tổ hợp nghiên cứu Seoul” hay “Thành phố nghiên cứu *Hongreung*”. Bất kể được gọi là gì, các viện nghiên cứu trong *Hongreung* đều đóng vai trò là các tổ chức *think-tank* của Hàn Quốc trong các lĩnh vực khác nhau như khoa học, công nghệ, kinh tế và quốc phòng. Các viện nghiên cứu tại *Hongreung* rất đa dạng vì chúng là các tổ chức khác nhau, từ các viện nghiên cứu đến các trung tâm hỗ trợ nghiên cứu, cho đến các tổ chức giáo dục. Tuy nhiên, các tổ chức này đều theo cùng một hệ thống của KIST, là một viện nghiên cứu do Chính phủ hỗ trợ - GRI. Từ một viện nghiên cứu thuộc sở hữu của Chính phủ đóng tại *Gongreung*, Viện Nghiên cứu Năng lượng nguyên tử Hàn Quốc (KAERI) cũng tham gia vào “Tổ hợp nghiên cứu *Hongreung*” do Đạo luật Viện Nghiên cứu Năng lượng nguyên tử Hàn Quốc được ban hành vào năm 1973 và đưa KEARI trở thành viện nghiên cứu được Chính phủ hỗ trợ. Chỉ 2 tháng sau khi Tiến sỹ Hyung-sup Choi được bổ nhiệm là Bộ trưởng thứ 2 của Bộ KH&CN, Tiến sỹ Yong-ku Yoon - Giám đốc nghiên cứu của KIST đã được điều động đảm nhiệm chức vụ Giám đốc của KAERI. Tiến sỹ Yoon đã khởi xướng cải cách viện dưới sự đồng ý của Bộ trưởng Choi. Mặc dù các viện này được coi là các tổ chức tư nhân theo các điều khoản thành lập nhưng sẽ phù hợp hơn khi gọi các tổ chức này là “tổ chức bán công lập” do công việc và nghiên cứu của họ liên quan mật thiết tới Chính phủ. Mặc dù các tổ chức này sử dụng hệ thống nghiên cứu theo hợp đồng nhưng họ vẫn thường phải đáp ứng yêu cầu của Chính phủ mà không cần thông qua hợp đồng. Đây là lý do tại sao mối quan hệ giữa những viện nghiên cứu này và chính phủ thường được mô tả là “huy động” chứ không phải là “hợp đồng”. Sự trùng hợp lịch sử là Hoa Kỳ đã có cùng mối quan tâm với Chính phủ Hàn Quốc trong việc xây dựng KIST. Điều này đã ảnh hưởng rất lớn tới tương lai nghiên cứu KH&CN Hàn Quốc. Việc thể chế hóa các tổ chức nghiên cứu do chính phủ hỗ trợ (GRIs) đã trở thành nguyên tắc chung trong xây dựng các tổ chức nghiên cứu, kể cả khoa học xã hội cũng như khoa học tự nhiên. Kết quả này phần lớn nhờ vào “thành công” mà KIST đã có được trong những năm đầu.



#### 4. Xây dựng thị trấn khoa học Daedeok: sự tiếp nối các viện nghiên cứu do Chính phủ hỗ trợ (GRIs)

Mặc dù tổ hợp nghiên cứu *Hongreung* nhận được nhiều sự quan tâm khi là tổ hợp nghiên cứu đầu tiên của đất nước nhưng vẫn có nhiều hạn chế khi không được “quy hoạch” để trở thành một tổ hợp như vậy. *Hongreung* không thể mở rộng thêm nữa do diện tích đất hạn chế. Cũng có nhiều chỉ trích về môi trường xung quanh (chủ yếu là do việc mở rộng Seoul) không thích hợp cho một cơ sở nghiên cứu. Đối mặt với những hạn chế và thách thức này, Bộ KH&CN đã cố gắng hình thành một tổ hợp nghiên cứu tối ưu và đúng nghĩa. Những nỗ lực như vậy đã được Tiến sỹ Choi, người tiếp tục đảm nhận vai trò Bộ trưởng Bộ KH&CN, hiện thực hóa. Ông đã đưa ra một bài trình bày chiến lược trước Tổng thống trong chuyên kiểm tra Bộ nhân dịp năm mới vào tháng 01/1973. Vào cuối năm này, Chính phủ đã phê duyệt Kế hoạch cơ bản về thành phố nghiên cứu và giáo dục *Daedeok*. Kế hoạch đã phác họa ra một thành phố tự lực với 5 viện nghiên cứu mới về công nghệ công nghiệp chiến lược, các cơ sở nghiên cứu và các trường đại học sẽ được xây dựng. Sau quá trình một năm lên kế hoạch, quy mô và phạm vi của *Daedeok* đã được tăng lên. Tổ hợp này nhằm hỗ trợ 6 lĩnh vực công nghiệp chiến lược được công bố trong *Chính sách quốc gia về công nghiệp nặng và hóa chất*. Như đã biết, phần lớn các GRIs cũng như tổ hợp nghiên cứu được xây dựng nhằm hỗ trợ kế hoạch đầy tham vọng của Chính quyền Park về công nghiệp hóa ngành công nghiệp nặng và hóa chất. Lĩnh vực nghiên cứu và triển khai không được coi là ưu tiên phát triển. Trong bài diễn văn hàng năm của Tổng thống năm 1973 cũng như *Báo cáo về việc tái cơ cấu công nghiệp theo Chính sách quốc gia về công nghiệp hóa ngành công nghiệp nặng và công nghiệp hóa chất* của Thư ký cao cấp Hội đồng Kinh tế tại Văn phòng Tổng thống đều không có ý định xem xét đến việc thành lập bất kỳ tổ chức nghiên cứu nào. Các luật thúc đẩy cũng bắt đầu có hiệu lực tới từng ngành công nghiệp kể từ cuối những năm 1960 và đã đưa ra tuyên bố về kế hoạch hóa ngành công nghiệp nặng và công nghiệp hóa chất; tuy nhiên, không văn bản nào đề cập tới các viện nghiên cứu hoặc việc xây dựng các viện nghiên cứu đó. Việc xây dựng các viện và tổ chức nghiên cứu được Bộ KH&CN hoặc một nhóm các nhà nghiên cứu có cổ phần trong các viện nghiên cứu khởi xướng chứ không phải là do các nhân tố trong ngành công nghiệp (những người sử dụng chủ yếu công nghệ công nghiệp) hay do các ngành công nghiệp của Chính phủ. Thành phố khoa học *Daedeok* đã được khởi xướng nhưng ít liên quan tới định hướng của Chính phủ về ngành công nghiệp nặng và công nghiệp hóa chất. Liên kết giữa nghiên cứu và ngành công nghiệp có thể xảy ra do các kế hoạch tương ứng về tổ hợp nghiên cứu và chính sách công nghiệp được bắt đầu cùng thời kỳ. Kết quả là, số viện GRIs có thể tăng lên trong tổ hợp. Nhân vật quan trọng

nhất trong xây dựng *Daedeok* và mở rộng các GRIs là Tiến sỹ Choi, sau này là Bộ trưởng Bộ KH&CN. Năm 1971, Giám đốc đầu tiên của KIST - Tiến sỹ Choi đã được bổ nhiệm làm Bộ trưởng Bộ KH&CN nhờ những ghi nhận sự phục vụ xuất sắc của ông tại KIST. Ông đã giữ chức vụ Bộ trưởng trong 7 năm 7 tháng - đây là thời gian tại nhiệm lâu nhất của các Bộ trưởng trong lịch sử Hàn Quốc. Ông đã hoạch định các chính sách đầu tiên một cách có hệ thống cho KH&CN quốc gia vào những năm 1970, trong đó bao gồm cả việc xây dựng *Daedeok*. Ông đã có kinh nghiệm làm giám đốc viện GRIs cũng như viện nghiên cứu nhà nước. Những kinh nghiệm này đã giúp ông có lập trường vững chắc trong việc tăng cường các tổ chức GRIs. Do đó, ông đã rất tích cực hỗ trợ và mở rộng thẩm quyền cho các tổ chức GRIs. Trong suốt thời gian tại nhiệm, ông đã thúc đẩy thành lập tổ hợp nghiên cứu và đưa AERI trở thành một tổ chức tư nhân phi lợi nhuận - KAERI. Khi nhận chức vụ nội các, ông đã đề nghị Tiến sỹ Chang-suk Lee đang làm việc tại KIST trở thành Thứ trưởng Bộ KH&CN. Trong 7 năm 9 tháng tiếp theo, ông Lee là người đã hỗ trợ cho Bộ trưởng Bộ KH&CN. Kế hoạch ban đầu là tái tổ chức và mở rộng 5 phòng nghiên cứu hiện có tại KIST. 5 viện nghiên cứu này đi theo quy trình thành lập của KIST. Hệ quả là, KIST đã đặt ra tiêu chuẩn cho các viện nghiên cứu. Chỉ có 3 viện nghiên cứu là được trực tiếp tách ra từ KIST, tuy nhiên, phải khẳng định rằng KIST vẫn là khuôn mẫu của tất cả các viện GRIs. Kế hoạch xây dựng *Daedeok* được tiến hành với nhiều thay đổi. Bản sửa đổi năm 1976 là một thay đổi cắt giảm so với kế hoạch ban đầu, từ việc xây dựng “thành phố nghiên cứu và giáo dục” xuống còn là “tổ hợp nghiên cứu” do việc xây dựng trung tâm thành phố bị hoãn lại. Điều này đã tạo ra khả năng xây dựng các tổ chức GRIs trong các tổ hợp công nghiệp khác như *Changwon* và *Koomi*. Theo đó, tổng số tổ chức GRIs đã tăng lên và cơ quan Chính phủ đã cố gắng xây dựng các viện GRIs một cách cạnh tranh. Ví dụ, 4 viện nghiên cứu mới gia nhập *Daedeok*, 2 viện tham gia vào Tổ hợp Công nghiệp Máy *Changwon* và 1 đặt tại Tổ hợp công nghiệp điện tử *Koomi* và là chi nhánh của KIST, Viện Công nghệ Viễn thông tại Seoul năm 1976. Hệ thống các viện GRIs được xây dựng ở *Hongreung* đã hình thành cơ sở tại *Daedeok* và phân nhánh trong cả nước xuống tới những nơi như *Changwon* và *Koomi*. Điều này đã tạo ra sự bùng nổ các viện GRIs vào những năm 1970. Sự bùng nổ này còn tiếp tục diễn ra tới tận cuối năm 1980 khi Hàn Quốc có tới 19 tổ chức GRIs đang hoạt động và một viện nghiên cứu trực thuộc. Sự thật là phần lớn các tổ chức nghiên cứu công lập đều có tên Tổng thống Park Chung-hee trong danh sách sáng lập nhằm tạo dựng hình ảnh một nhà lãnh đạo tham gia tích cực vào lĩnh vực KH&CN. Giới công nghiệp đã góp phần trong việc thành lập Viện nghiên cứu công nghệ hóa chất Hàn Quốc (KRICT); tuy nhiên, chỉ có tên của Tổng thống được giữ lại trong khi 17

người sáng lập khác đã bị bỏ qua sau nhiều lần thay đổi. Sự gia tăng số lượng các tổ chức GRIs do việc xây dựng tổ hợp nghiên cứu *Daedeok* trở thành tâm điểm của chính sách KH&CN của Chính phủ trong những năm 1970. Được hỗ trợ bởi Chính phủ, các tổ chức GRIs có thể có ưu thế vượt trội. Các tổ chức này đã nhận được tài trợ lớn cho nghiên cứu dù vẫn ít hơn về mặt số lượng so với các tổ chức nghiên cứu và trường đại học quốc gia. Tổng số tài trợ nghiên cứu mà các tổ chức này nhận được từ đầu tư của Chính phủ hay tư nhân lớn hơn rất nhiều so với các tổ chức khác. Sự mất cân bằng trong phân bổ kinh phí cho thấy trung tâm quyền lực KH&CN được đặt vào các tổ chức GRIs. Trong bối cảnh bất lợi về KH&CN đó (chính sách của Chính phủ chưa hoàn chỉnh, nhận thức xã hội còn thấp, sự chú ý và quan tâm tới KH&CN còn ít), các tổ chức GRIs là những đối tượng đầu tiên phát huy vai trò ảnh hưởng trong lịch sử hiện đại Hàn Quốc. Ngoài ra, các ý tưởng được Hyung-sup Choi nuôi dưỡng đã được Tổng thống Park ủng hộ. Trong khi đó, các nhà nghiên cứu tại KIST được đề cử vào những vị trí quản lý hàng đầu tại các viện nghiên cứu mới thành lập. Xung quanh Tiến sĩ Choi, “nhóm KIST” đóng vai trò là tầng lớp quyền lực trong KH&CN. Bản thân ông Choi cũng dẫn dắt một mạng lưới xã hội, được gọi là “Câu lạc bộ Pi”, nhằm thẩm nhuần tư tưởng và xu hướng đổi mới vào KH&CN tại Hàn Quốc. Ước mơ của ông đã được hiện thực hóa nhờ nắm giữ một số vị trí chủ chốt, bao gồm: Giám đốc KIST và Bộ trưởng Bộ KH&CN, đã hình thành “câu lạc bộ” ảnh hưởng của riêng mình. Dù vậy, ông đã không tránh khỏi những chỉ trích tiêu cực trong cộng đồng KH&CN. Thậm chí, báo chí thường xuyên phê phán ông, gọi ông là Bộ trưởng của “KIST” thay vì “MOST” (Bộ KH&CN) và mỉa mai mạng lưới và câu lạc bộ của ông. Chính sự thống lĩnh của KIST đã phải chịu những chỉ trích và nhận thức tiêu cực sau này của công chúng về KIST.

## **5. Hoạt động của các tổ chức GRIs và những hạn chế**

Việc tiếp tục hình thành các viện GRIs đã mang lại nhiều thay đổi trong KH&CN. Trước hết, hệ thống nghiên cứu và phát triển được thành lập lần đầu tiên trong lĩnh vực KH&CN. Trong thời Chính quyền Tổng thống Park, các trường đại học không thể thực hiện chức năng thực sự trong việc cung cấp giáo dục bậc cao trong lĩnh vực KH&CN do thiếu cơ sở vật chất và môi trường nghiên cứu. Trên thực tế, rất khó khăn để tiến hành các hoạt động nghiên cứu và triển khai ngoại trừ vài bộ môn nghiên cứu. Trong ngành công nghiệp cần được hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và triển khai lại không được quan tâm và không có khả năng trong việc phát triển nghiên cứu và triển khai. Các tổ chức GRIs đã xây dựng cơ sở để đánh giá và thu hút nhân lực có tài năng dưới sự bảo trợ của Chính phủ, KIST và Cơ quan phát triển Quốc phòng (ADD) tiếp tục tạo ra các kết quả nghiên cứu. Các cá nhân đã

tích lũy được nhiều kinh nghiệm nghiên cứu chuyên từ các viện nghiên cứu này sang viện nghiên cứu, trường đại học và công ty khác để phổ biến công nghệ mới và kinh nghiệm của họ trong phát triển KH&CN ở nhiều lĩnh vực khác. Vào những năm 1970, các tổ chức GRIs được đánh giá là địa chỉ tin cậy để phát triển hoặc nuôi dưỡng nguồn nhân lực xuất sắc cho hoạt động nghiên cứu; tuy nhiên, chúng không được đánh giá như vậy về kết quả hoạt động R&D. Thêm vào đó, để khắc phục tình trạng chảy máu chất xám, phần lớn các tổ chức GRIs đã thuyết phục các cá nhân R&D có kinh nghiệm từ nước ngoài trở về Hàn Quốc. Vào giữa những năm 1960, Hàn Quốc là quốc gia có vấn nạn chảy máu chất xám nghiêm trọng, nhưng Hàn Quốc đã không nhận thấy mức độ nghiêm trọng và cũng không có khả năng tìm kiếm giải pháp. Tuy nhiên, một số lượng lớn nhà khoa học Hàn Quốc tài năng từ nước ngoài đã trở lại Hàn Quốc sau khi KIST được thành lập. Chính phủ Hàn Quốc rất lạc quan với điều này và thay đổi các chính sách thụ động của mình, từ chỗ quy định chặt chẽ việc các nhà khoa học Hàn Quốc có mong muốn đi đào tạo ở nước ngoài thành chính sách tích cực khuyến khích các nhà khoa học Hàn Quốc đang ở nước ngoài trở về nước sử dụng nguồn lực của Chính phủ. Thêm vào đó, vào giai đoạn đầu 1970, các tổ chức GRIs mới thành lập trở nên năng động hơn trong việc thu hút các nhà khoa học Hàn Quốc làm việc tại nước ngoài và số lượng các nhà khoa học tài năng trở về dần dần tăng lên. Kết quả là, tỉ lệ các nhà khoa học đang ở nước ngoài trở về nước năm 1960 là 10%, tuy nhiên, tỉ lệ này đã tăng dần lên tới 68,4% vào những năm 1980. Nghiên cứu cho thấy, vấn nạn chảy máu chất xám không còn là một vấn đề đáng lo ngại tại Hàn Quốc vào những năm 1990. Mặc dù hoạt động nghiên cứu do các tổ chức GRIs thực hiện vào những năm 1970 không còn quá hấp dẫn nhưng nó đã thay đổi được nhận thức và đánh giá của xã hội về nghiên cứu và phát triển. Vào giai đoạn đầu thành lập, KIST không thể có được các công trình nghiên cứu do các ngành công nghiệp đặt hàng, do đó KIST tiếp tục thuyết phục các ngành công nghiệp đặt hàng các nhiệm vụ nghiên cứu cho mình bằng cách thực hiện các hoạt động xúc tiến quảng bá kết quả nghiên cứu, hoạt động triển khai và năng lực tiềm năng. Do Tổng thống khuyến khích các ngành công nghiệp thực hiện hợp đồng nghiên cứu với KIST, nhiều công ty đã đầu tư kinh phí vào *Cheongwadae* để khuyến khích công tác nghiên cứu với KIST mà không cần xác định mục tiêu nghiên cứu cụ thể: “Chúng tôi hoàn toàn đồng ý với chính sách của Tổng thống hỗ trợ phát triển KH&CN giúp phát triển kinh tế”. Điều này cho thấy, công chúng Hàn Quốc xem rằng kinh phí dành cho hoạt động nghiên cứu nhằm ứng dụng vào hoạt động sản xuất như khoản đầu tư vào vốn chính trị. Tuy nhiên, các công ty trước đây phải đối mặt với những khó khăn về việc giới thiệu công nghệ từ nước ngoài vào Hàn Quốc hoặc mua nguyên liệu thô hay gặp vấn đề với các thiết bị có nguồn gốc từ nước ngoài thì nay đã vượt qua những khó khăn này một

cách thành công. Họ đã giải quyết được các vấn đề bằng cách sử dụng kết quả nghiên cứu và phát triển. Các công ty dần nhận thức được sự cần thiết của nghiên cứu và triển khai, do đó, đã bắt tay hợp tác với KIST trong công tác nghiên cứu. Ngoài ra, vì các công ty này tích lũy được nhiều kinh nghiệm nên đã thương mại hóa các kết quả nghiên cứu của các viện GRIs, chính sách bảo hộ công nghệ được phát triển trong vài năm qua của Hàn Quốc đã lần đầu tiên được xây dựng. Kết quả là, với sự quan tâm và nhận thức đúng đắn từ các cơ quan Chính phủ và ngành công nghiệp về nghiên cứu và triển khai thì nhu cầu về nghiên cứu và triển khai đã tăng trong các tổ chức GRIs. Trước tình hình đó, nghiên cứu và triển khai không còn là vấn đề chính, các viện nghiên cứu được thành lập và nhận thức xã hội về nghiên cứu và triển khai đã được cải thiện. Vào dịp kỷ niệm 10 thành lập KIST - tháng 10/1976, Tổng thống Park Chung-hee đã gửi đến KIST khẩu hiệu “xây dựng quốc gia dựa vào khoa học và tự chủ về công nghệ”. Điều này chứng tỏ rằng, KIST được xem là biểu tượng hiện đại hóa của quốc gia và vai trò được ủy nhiệm cho các tổ chức GRIs là “tự chủ về công nghệ”. Cách mà các nhà khoa học và kỹ sư tìm thấy sự tự do cho Hàn Quốc là thúc đẩy KH&CN đã thực sự được thực hiện vào những năm cuối thập niên 60, và ý nghĩa thực sự của việc này đã được xác định cùng với sự tự chủ công nghệ. Các nhà khoa học và kỹ sư theo đuổi phát triển KH&CN trong dài hạn, không chỉ tìm kiếm sự tự chủ về công nghệ trong ngắn hạn nhưng Chính phủ Hàn Quốc mới chỉ nhìn nhận sự đóng góp của các nhà khoa học và kỹ sư ở khía cạnh như sự tự chủ về công nghệ. Chính phủ Hàn Quốc cuối cùng đã đồng thuận với những ý kiến của các nhà khoa học, kỹ sư về phát triển KH&CN sau 20 năm, là do lúc đó Chính phủ tin rằng nếu phát triển công nghệ phục vụ tăng trưởng kinh tế và định hướng ngành công nghiệp quốc phòng có thể đóng góp cho an ninh quốc gia. Chính phủ Hàn Quốc đã dành hết sự quan tâm và hỗ trợ cho các tổ chức GRIs, do dưới sự quản lý của Park Chung-hee đã từng sử dụng việc phát triển kinh tế, an ninh quốc gia và KH&CN là nền tảng hợp pháp. Một số tổ chức GRIs như KIST hay KAERI cũng như ADD tiến hành các hoạt động nghiên cứu liên quan đến công nghiệp quốc phòng. Điều này cho thấy rõ rằng, các viện nghiên cứu tồn tại nhờ vào nghiên cứu và triển khai, và đây cũng là một cách mới để tăng cường sức mạnh chính trị của chính quyền Park Chung-hee. Sự hình thành Thành phố khoa học *Daedeok* và thành lập các viện nghiên cứu biểu thị cho nền tảng phát triển đồng thời giữa KH&CN và giá trị về chính trị. Tuy nhiên, việc xây dựng nhiều tổ chức nghiên cứu trước và sau năm 1967 đã gây ra nhiều vấn đề. Trước tiên, nhiều viện nghiên cứu không có đủ kinh phí để hoạt động. Do Chính phủ đã chi một khoản tiền lớn cho việc xây dựng các viện nghiên cứu nhưng không cấp kinh phí hoạt động. Ngoài ra, do khủng hoảng dầu mỏ lần thứ 2 từ cuối năm 1978 và sau đó là suy thoái kinh tế, các công ty vốn quan tâm tới nghiên cứu và triển khai cũng

tránh đầu tư vào lĩnh vực này. Kết quả là, các viện nghiên cứu mới cũng như các viện hiện có như KIST cũng bị thiếu một khoản kinh phí đáng kể. Việc xây dựng các tổ chức GRIs sau này tập trung quá nhiều vào phát triển công nghệ công nghiệp. Tuy nhiên, bản chất là các viện này tập trung vào lĩnh vực công nghệ công nghiệp với mục đích tự chủ công nghệ và phát triển kinh tế nhờ vào hoạt động nghiên cứu và triển khai do Chính phủ tài trợ cho những viện này. Dưới điều kiện nền kinh tế như vậy, Chính phủ không thể có chính sách KH&CN cân xứng, trong đó bao gồm cả khoa học cơ bản. Mặc dù vậy, chính quyền Park Chung-hee đã xây dựng nhiều viện nghiên cứu khi theo đuổi phát triển công nghệ công nghiệp để khẳng định cho tính hợp pháp của mình; tuy nhiên, lĩnh vực khoa học cơ bản không thể bị xem nhẹ chỉ vì chính sách KH&CN của Chính phủ. Vì lý do này, các nhà nghiên cứu của các trường đại học đã than phiền về chính sách của Chính phủ “Chúng ta không có bất kỳ chính sách nào cho khoa học, chúng ta chỉ có chính sách về công nghệ mà thôi”. Chính sách thành lập các viện GRIs, đã dẫn đến quan điểm KH&CN chỉ là công nghệ và thực hành, được xem là đặc điểm quan trọng của văn hóa khoa học tại Hàn Quốc. Các viện nghiên cứu được thành lập trong một thời gian rất ngắn mà không được cân nhắc và chuẩn bị chu đáo. Các viện này theo đuổi mô hình quản lý của KIST chứ không được quản lý theo phương pháp vận hành phù hợp cho từng lĩnh vực nghiên cứu cụ thể hoặc nhiệm vụ được giao cho từng viện. Các vấn đề nhỏ hay lớn đều có thể xảy ra do hệ thống của KIST được chấp nhận mà không cần hiểu rõ hay xem xét lý do và nền tảng thành lập KIST. Các phân tích và đánh giá chuyên sâu về ưu, nhược điểm của KIST cần được tiến hành trước khi một viện nghiên cứu mới sử dụng KIST làm mô hình phát triển. Tuy nhiên, sẽ rất khó khăn cho các chuyên gia đánh giá vì Tổng thống Park Chung-hee là người sáng lập ra Viện và vị giám đốc đầu tiên của KIST cũng đã trở thành Bộ trưởng Bộ KH&CN. KIST không chỉ còn là viện nghiên cứu KH&CN đơn thuần mà là một viện nghiên cứu với quyền lực chính trị mạnh mẽ và được xem là biểu trưng của “mối quan tâm lớn về KH&CN của Tổng thống” và Quốc gia Đổi thay. Việc tạo ra cạnh tranh giữa các viện nghiên cứu của từng Bộ trong một thời gian ngắn đã xảy ra do những vấn đề cơ bản và các điều chỉnh tổng quát không thể thực hiện sau khi thành lập viện nghiên cứu này, lý do là các Bộ quản lý các viện nghiên cứu này không được xác định rõ ràng. Do đó, xung đột đã xảy ra giữa các viện nghiên cứu trong giai đoạn đầu thành lập và nảy sinh ra những vấn đề về chồng chéo trong chức năng. Việc sáp nhập các viện đã được đề cập trước khi hoàn thành xây dựng các viện này. Có quá nhiều kỳ vọng rằng GRIs sẽ hợp tác với các cơ quan nghiên cứu và triển khai khác như trường đại học hay viện công nghiệp vì ngay cả các cơ quan Chính phủ cũng không thể tiến hành những điều chỉnh tổng thể cần thiết. Có sự cạnh tranh mạnh mẽ giữa các viện nghiên cứu trong việc thu hút cán bộ nghiên cứu tài năng.

Điều kiện sống đã không còn đáp ứng được nhu cầu của các nhà nghiên cứu giàu kinh nghiệm từ nước ngoài do các viện này được xây dựng tại các khu vực nông thôn, nơi cơ sở vật chất cần thiết không đầy đủ. Mỗi viện nghiên cứu có nhiều người quản lý và họ phải thực hiện nhiệm vụ quản lý thay vì nghiên cứu. Cán bộ chuyên môn về nghiên cứu và triển khai còn thiếu và năng lực của họ có thể không được sử dụng hợp lý; ngoài ra, còn nảy sinh xung đột giữa các cán bộ nghiên cứu. Việc xây dựng Thành phố Khoa học *Daedeok* và thành lập các viện nghiên cứu không được thực hiện theo kế hoạch dài hạn và toàn diện của Chính phủ. Ví dụ, Viện Nghiên cứu đóng tàu Hàn Quốc và Viện Nghiên cứu và Phát triển hải dương Hàn Quốc được thành lập vào năm 1973 và trực thuộc KIST, đến năm 1976, hai đơn vị này được sáp nhập thành Viện Nghiên cứu hải dương và đóng tàu Hàn Quốc. Nhưng đến năm 1978, Viện Nghiên cứu và Phát triển hải dương Hàn Quốc lại được tách ra thành viện trực thuộc KIST. Viện Nghiên cứu hải dương và đóng tàu Hàn Quốc đã trải qua nhiều quá trình thành lập độc lập, sáp nhập, chia tách chỉ trong vòng 5 năm. Điều này cho thấy, việc thành lập các viện nghiên cứu của Chính phủ không ổn định theo đánh giá đầy đủ về kế hoạch tổng thể dài hạn. Bộ KH&CN đã tuyên bố rằng, sẽ giám sát và quản lý các viện nghiên cứu này bằng cách liên kết các viện lại do họ gặp khó khăn trong việc mời cán bộ nghiên cứu và vai trò bị chông chéo; tuy nhiên, điều này không hề dễ dàng đối với Bộ KH&CN khi giám sát các viện khác nhau thuộc các cơ quan quản lý điều hành khác nhau. Với tình hình này, chính quyền Park Chung-hee (người được đăng ký là nhà sáng lập tổ chức) đã rút lui và một chính quyền mới được thành lập. Kết quả là đã phát sinh những ý kiến tiêu cực của công chúng và báo giới về tổ chức GRIs. Sau khi sáp nhập và tái cơ cấu, các tổ chức GRIs này đã giảm từ 16 xuống chỉ còn 8 viện nghiên cứu.

## 6. Kết luận

Sau khi Hàn Quốc giành được độc lập, các nhà khoa học và kỹ sư đã kêu gọi Chính phủ thúc đẩy phát triển KH&CN để thành lập một cơ quan quản lý độc lập về chính sách KH&CN cũng như các viện nghiên cứu, để KH&CN đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng một quốc gia mới. Tuy nhiên, đến tận cuối thập niên 60 của Thế kỷ XX, Chính phủ mới thành lập KIST. KH&CN chỉ được xem là một môn học trong giáo dục, cho tới tận giữa những năm 1960, KH&CN bắt đầu được gắn với phát triển kinh tế sau khi KIST được thành lập. Ngay sau đó, KH&CN đã xuất hiện như là một vấn đề để đảm bảo an ninh quốc gia và hỗ trợ cho nền kinh tế, quốc phòng. Sau đó, hàng loạt các viện GRIs được thành lập và Park Chung-hee trở thành người sáng lập những đơn vị này, điều này thể hiện mối quan tâm và hiểu biết của Chính phủ về KH&CN. Chính quyền Park Chung-hee sử dụng khẩu hiệu “phát triển kinh tế” và “an ninh quốc gia” để khẳng định tính hợp pháp và kết quả là hai khẩu hiệu liên quan trực tiếp tới KH&CN

xuất hiện. Khởi nguồn từ KIST, các viện GRIs đã được mở rộng từ suốt những năm 1970, thông qua thành lập viện nghiên cứu chuyên ngành cho từng lĩnh vực cụ thể. Vai trò của Chính phủ rất quan trọng trong quá trình phát triển KH&CN tại các nước công nghiệp hóa muộn. Tuy nhiên, tại Hàn Quốc, nghiên cứu và triển khai tư nhân của các viện nghiên cứu phi lợi nhuận lại dẫn dắt các nghiên cứu công nghệ công nghiệp do Chính phủ định hướng. Lịch sử của chính sách KH&CN Hàn Quốc là lịch sử của viện GRIs vào những năm 1970. Các viện GRIs đóng vai trò then chốt trong tự chủ về KH&CN trong khi các trường đại học hay ngành công nghiệp không quan tâm mạnh mẽ hoặc không có đủ năng lực trong nghiên cứu và triển khai. Các viện nghiên cứu này đóng vai trò quan trọng trong điều kiện chính trị và kinh tế ở giai đoạn này.

Mặc dù tăng trưởng về số lượng, GRIs được mở rộng mà không có sự suy xét chính sách thận trọng về kế hoạch dài hạn và tổng thể. Các chính sách định hướng tăng trưởng đã vấp phải các vấn đề được xếp vào loại thiếu cận. Trong việc này, đáng trách nhất là Chính phủ đã vội vàng áp dụng mô hình KIST mà không xem xét kỹ bối cảnh. Chính quyền Park không chú ý tới việc tìm hiểu rõ và đánh giá thành công của KIST do họ quá phấn khích về các “thành công” đạt được ban đầu. Có rất nhiều yếu tố đóng góp vào thành công của KIST, trong đó có mối quan tâm của cá nhân Tổng thống Park Chung-hee, sự hỗ trợ tập trung có chủ ý của Chính phủ do giá trị về mặt chính trị mà KIST đem lại cũng như vai trò tích cực của Hoa Kỳ. Môi trường thân thiện và nhân tố tích cực bên ngoài lại không hề có đối với các viện nghiên cứu mới thành lập sau này. KIST khác hẳn so với các viện nghiên cứu khác do nó là biểu tượng mang tính chính trị, và viện có đòn bẩy chính trị nhờ vào Tổng thống và Bộ trưởng Bộ KH&CN. Ảnh hưởng chính trị này đã cản trở những đánh giá hoặc phân tích sâu hơn về KIST. Được lãnh đạo bởi Bộ trưởng Choi, Giám đốc đầu tiên của KIST, mô hình KIST có thể được các viện khác thuộc nhiều lĩnh vực nghiên cứu khác nhau phổ biến và áp dụng. Như kỳ vọng, các viện GRIs đã phải trải qua quá trình sáp nhập và bãi bỏ sau khi Tổng thống Park - cũng là người sáng lập ra hàng loạt các viện GRIs không còn. KIST không thể tránh khỏi việc tái cơ cấu và buộc phải chuyển đổi thành Viện KH&CN tiên tiến Hàn Quốc (KAIST) khi kết hợp với KAIS. Thành công huyền thoại của KIST đã thúc đẩy việc mở rộng quá mức các GRIs; tuy nhiên, nó lại dẫn tới việc từ từ bãi bỏ quyền tự chủ của chính mình. Mặc dù thể chế GRIs được xây dựng để đảm bảo tính tự chủ của tổ chức nghiên cứu nhưng các GRIs lại rất dễ bị tổn thương với các sự kiện chính trị do “tính tự chủ” của họ dựa hoàn toàn vào sự hỗ trợ của Chính phủ và mối quan hệ chính trị với chính quyền trung ương. Hạn chế của mô hình viện GRIs cũng được phát hiện cùng những thăng trầm của KIST - viện nghiên cứu đầu tiên do Chính phủ hỗ trợ./.